TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2019/DS-ST
Ngày: 29 - 3 - 2019
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tuân**
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Trần Thị Kim Tân**
Ông **Nguyễn Văn Hiếu**

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà **Ngô Thị Châu Loan -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Phương Dung -** Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công Khi vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc " *Tranh chấp về thừa kế tài sản* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Hữu Kh**, sinh năm: 1960 (có mặt)
Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn G, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1980 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 2, thôn 1B , huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị U**, sinh năm: 1942 (có mặt)
Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn G, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị **Tô Thị H**, sinh năm: 1978 (có mặt)
Nơi cư trú: số 940, TL766, ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3. Chị **Nguyễn Thanh Ng**, sinh năm: 1982 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Công ty Đ, 60/1 đường B, phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Anh **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm: 1984 (có mặt)
Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn G, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh **Nguyễn Thanh Ng1**, sinh năm: 1992 (có mặt)
Nơi cư trú: Công ty Đ, 60/1 đường B, phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ

Chí Minh.

6. Chị **Hoàng Thị Đỗ Q**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 5, thị trấn G, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Kh trình bày:

Ông Nguyễn Hữu Kh và bà Tô Thị Mỹ L kết hôn với nhau vào năm 1978. Ông Kh và bà L có 04 người con chung gồm: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980; Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1982; Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1984 và Nguyễn Thanh Ng1, sinh năm 1992. Bà Tô Thị Mỹ L có 01 người con riêng với chồng trước là chị Tô Thị H. Cha ruột của bà Tô Thị Mỹ L đã chết từ rất lâu, mẹ ruột của bà Tô Thị Mỹ L hiện còn sống tên là Lê Thị U. Ngày 26/01/2010, bà Tô Thị Mỹ L chết. Di sản của bà Tô Thị Mỹ L gồm: Thửa đất số 76 tờ bản đồ số 7 (cũ) nay được đo đạc trên nền bản đồ mới thuộc thửa số 49 tờ bản đồ số 29 thị trấn G, có diện tích 151,8 m^2, trị giá 1.722.900.000 đồng; căn nhà trên đất (không tính phần sửa chữa, nâng cấp do chị Nguyễn Thanh Ng đầu tư có trị giá 190.604.000 đồng) có trị giá 110.074.000 đồng. Tổng giá trị di sản là 1.832.974.000 đồng (*Một tỷ tám trăm ba mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*).

Bà L chết không để lại di chúc định đoạt tài sản. Nay, ông Kh yêu cầu chia thừa kế di sản của bà L theo pháp luật.

Ông Kh xác định những người thuộc hàng thừa kế hàng thứ nhất của bà L gồm: Nguyễn Hữu Kh, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh Ng, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh Ng1, Tô Thị H và bà Lê Thị U.

Tổng giá trị di sản là 1.832.974.000 đồng, chia cho 7 người thừa kế thì mỗi người được hưởng theo luật là 261.854.000 đồng. Tuy nhiên, nếu người thừa kế khác nhận nhà đất thì ông Kh yêu cầu thanh toán cho ông 300.000.000 đồng để tạo điều kiện cho ông mua nhà đất khác để ở.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của ông Kh về di sản của bà L, về quan hệ gia đình và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Tô Thị Mỹ L. Bà L chết không để lại di chúc định đoạt tài sản. Nay, anh đồng ý với yêu cầu của ông Kh về chia thừa kế di sản của bà L theo pháp luật. Anh xác định những người thuộc hàng thừa kế hàng thứ nhất của bà L gồm: Ông Nguyễn Hữu Kh, anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H và bà Lê Thị U.

Tổng giá trị di sản là 1.832.974.000 đồng, chia cho 7 người thừa kế thì mỗi người được hưởng theo luật là 261.854.000 đồng. Anh Tuấn có ý kiến nếu anh Tuấn nhận nhà đất thì anh Tuấn thanh toán cho mỗi người thừa kế khác 350.000.000 đồng và thanh toán thêm cho Nguyễn Thanh Ng phần sửa chữa nâng cấp do Nguyễn Thanh Ng đầu tư có trị giá 190.604.000 đồng; còn nếu người thừa kế khác nhận nhà đất thì anh Tuấn yêu cầu thanh toán cho anh Tuấn 300.000.000 đồng để tạo điều kiện cho anh mua nhà đất khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thanh Ng trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của ông Kh về di sản của bà L, về quan hệ gia

đình và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Tô Thị Mỹ L. Di sản của bà Tô Thị Mỹ L gồm: Thửa đất số 76 tờ bản đồ số 7 (cũ) nay được đo đạc trên nền bản đồ mới thuộc thửa số 49 tờ bản đồ số 29 thị trấn G, có diện tích 151,8 m^2, trị giá 1.722.900.000 đồng; căn nhà trên đất (không tính phần sửa chữa, nâng cấp do chị đầu tư có trị giá 190.604.000 đồng) có trị giá 110.074.000 đồng. Tổng giá trị di sản là 1.832.974.000 đồng, chia cho 7 người thừa kế thì mỗi người được hưởng là 261.854.000 đồng. Về hiện vật, chị yêu cầu giao cho chị cùng với bà Lê Thị U, chị Tô Thị H, anh Nguyễn Thanh T1 và anh Nguyễn Thanh Ng1 đồng quyền sử dụng và sở hữu chung nhà đất; chị Ng cùng với bà Lê Thị U, chị Tô Thị H, anh Nguyễn Thanh T1 và anh Nguyễn Thanh Ng1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Kh và anh Tuấn giá trị kỷ phần thừa kế mà mỗi người được hưởng là 261.853.428 đồng. Về phần giá trị căn nhà, mái hiên, chuồng gà do chị Ng đầu tư, nâng cấp có tổng trị giá 190.604.000 đồng, chị Ng không yêu cầu bà Lê Thị U, chị Tô Thị H, anh Nguyễn Thanh T1 và anh Nguyễn Thanh Ng1 thanh toán lại cho chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Út, chị Tô Thị H, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh Ng1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chị Nguyễn Thanh Ng về chia thừa kế theo pháp luật di sản của bà Tô Thị Mỹ L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Hoàng Thị Đỗ Q trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Thanh T1, hiện nay vợ chồng chị và chị Nguyễn Thanh Ng, em Nguyễn Thanh Ng1 đang quản lý, sử dụng di sản của bà Tô Thị Mỹ L là căn nhà và thửa đất số 76 tờ bản đồ số 7 (cũ) nay được đo đạc trên nền bản đồ mới thuộc thửa số 49 tờ bản đồ số 29 thị trấn G, có diện tích 151,8 m^2. Bản thân chị không có công sức đóng góp, hay chi phí đầu tư gì đối với khối di sản của bà Tô Thị Mỹ L nên chị không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Tòa án xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án, tư cách những người tham gia tố tụng, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72,73 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về giải quyết vụ án: Di sản thừa kế của bà L gồm: Thửa đất số 76 tờ bản đồ số 7 (cũ) nay được đo đạc trên nền bản đồ mới thuộc thửa số 49 tờ bản đồ số 29 thị trấn G, có diện tích 151,8 m^2, trị giá 1.722.900.000 đồng; căn nhà trên đất có trị giá 110.074.000 đồng. Tổng giá trị di sản là 1.832.974.000 đồng.

Những người thừa kế theo pháp luật hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Nguyễn Hữu Kh, bà Nguyễn Thị Út (mẹ bà L), anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1 và chị Tô Thị H.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 610,611,612,613, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Kh về việc chia di sản thừa kế của bà Tô Thị Mỹ L theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh Ng, chị Hoàng Thị Đỗ Q có đơn xin vắng mặt nên xét xử vắng mặt chị Ng và chị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ông Nguyễn Hữu Kh khởi kiện yêu cầu chi di sản thừa kế của vợ là bà Tô Thị Mỹ L, di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với thửa đất tọa lạc tại khu 5, thị trấn G, huyện L, tỉnh Đồng Nai, nên theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về thừa kế tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về tư cách những người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hữu Kh có đơn khởi kiện anh Nguyễn Thanh T. Bà Nguyễn Thị Út, chị Nguyễn Thanh Ng, chị Tô Thị H, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Tô Thị Mỹ L, chị Hoàng Thị Đỗ Q là vợ của anh Nguyễn Thanh T1 hiện đang sinh sống trên căn nhà và đất là di sản của bà Tô Thị Mỹ L, nên Tòa án xác định nên ông Kh là nguyên đơn, anh Tuấn là bị đơn; bà U, chị Ng, chị H, anh T1, anh Ng1 và chị Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ bản sao Giấy chứng tử số 04 quyển số 01/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện L, tỉnh Đồng Nai thì có cơ sở xác định bà Tô Thị Mỹ L chết vào lúc 05 giờ 40 phút ngày 26 tháng 01 năm 2010 do bệnh. Theo khoản 1 Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005 thì bà Tô Thị Mỹ L chết vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thì thời hiệu được áp dụng theo quy định của bộ luật này. Như vậy, Tòa án áp dụng quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu đối với trường hợp thời điểm mở thừa kế trước ngày 01/01/2017. Ông Nguyễn Hữu Kh nộp đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 do đó thời hiệu khởi kiện tranh chấp thừa kế vẫn còn.

[5] Theo đơn xác nhận mối quan hệ vợ chồng thì ông Nguyễn Hữu Kh và bà Tô Thị Mỹ L kết hôn với nhau vào năm 1978, do đó hôn nhân giữa ông Kh và bà L là hợp pháp theo Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959.

[6] Căn cứ vào xác nhận ngày 04/8/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Đồng Nai tại

trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 240527, thì bà Tô Thị Mỹ L, sinh năm 1957, số CMND: 270624596 ngày cấp 24/4/2009 , nơi cấp công an tỉnh Đồng Nai, địa chỉ thường trú: khu 5, thị trấn G, huyện L, tỉnh Đồng Nai nhận tặng cho từ ông Kh theo Hợp đồng số 411, quyển số 01/TP/CCSCT/HĐGD ngày 25/4/2009. Quá trình chung sống bà Tô Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu Kh không có bất kỳ thỏa thuận nào về chế độ tài sản chung giữa bà L và ông Kh. Do đó có căn cứ xác định tài sản gồm căn nhà trên thửa đất số 76 tờ bản đồ số 7 (cũ) nay được đo đạc trên nền bản đồ mới thuộc thửa số 49 tờ bản đồ số 29 thị trấn G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 240527 là tài sản riêng của bà Tô Thị Mỹ L. Do bà L đã chết nên phần tài sản của bà L trở thành di sản thừa kế. Trước khi chết bà L không để lại di chúc. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005, phần di sản của bà L để lại phải được chia thừa kế theo pháp luật. Căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 75/TĐG-CT ngày 5/9/2018 của công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến xác định: Thửa đất số 76 tờ bản đồ số 7 (cũ) nay được đo đạc trên nền bản đồ mới thuộc thửa số 49 tờ bản đồ số 29 thị trấn G, có diện tích thực tế 151,8 m^2, trị giá 1.722.900.000 đồng; căn nhà trên đất (không tính phần sửa chữa, nâng cấp do chị Nguyễn Thanh Ng đầu tư có trị giá 190.604.000 đồng) có trị giá 110.074.000 đồng. Tổng giá trị di sản là 1.832.974.000 đồng (*Một tỷ tám trăm ba mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*).

[7] Căn cứ vào Giấy khai sinh, có cơ sở xác định ông Kh và bà L có 04 người con chung gồm: Nguyễn Thanh T - sinh năm 1980, Nguyễn Thanh Ng - sinh năm 1982, Nguyễn Thanh T1 - sinh năm 1984 và Nguyễn Thanh Ng1 - sinh năm 1992; Bà Tô Thị Mỹ L có 01 người con riêng với chồng trước là chị Tô Thị H. Cha ruột của bà Tô Thị Mỹ L đã chết, mẹ ruột của bà Tô Thị Mỹ L hiện còn sống tên là Lê Thị U. Do đó những người thuộc hàng thừa kế của bà Tô Thị Mỹ L gồm: ông Nguyễn Hữu Kh, bà Nguyễn Thị Út (mẹ bà L), anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1 và chị Tô Thị H. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Tô Thị Mỹ L có 07 người nên di sản thừa kế của bà L sẽ được chia thành 07 suất bằng nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005, cụ thể giá trị một suất thừa kế mà mỗi người thừa kế theo pháp luật của bà Tô Thị Mỹ L được hưởng như sau: 1.832.974.000 đồng : 7 phần = 261.854.000 đồng (*hai trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn đồng*).

[8] Ông Kh và anh Tuấn yêu cầu những người thừa kế nhận hiện vật nhà, đất phải thanh toán cho mỗi người 300.000.000 đồng (anh Tuấn không có yêu cầu phản tố). Chị Ng, anh T1, anh Ng1, chị H và bà U có ý kiến được nhận nhà đất để đồng sử dụng. Xét thấy, yêu cầu của ông Kh và anh Tuấn là không phù hợp, vì phần di sản mỗi người thừa kế theo pháp luật chỉ trị giá là 261.854.000 đồng, hiện Anh Tuấn hiện đã có nhà riêng, còn ông Kh cũng ở riêng nơi khác. Do vậy, giao nhà và đất cho chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H và bà Lê Thị U là phù hợp. Chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H và bà Lê Thị U có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Kh 261.854.000 đồng, thanh toán cho anh Tuấn 261.854.000 đồng.

[9] Về chi phí nâng cấp căn nhà, xây dựng mái hiên phía trước nhà và chuồng gà do chị Ng đầu tư có tổng trị giá là 190.604.000 đồng, chị Ng không yêu cầu bà U, chị H, anh T1 và anh Ng1 thanh toán lại, nên ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng.

[10] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: ông Kh đã nộp chi phí đo đạc là 741.000 đồng, chi phí định giá tài sản là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 10.741.000 đồng. Do vậy, mỗi đồng thừa kế phải thanh toán lại cho ông Kh 1.534.500 đồng (10.741.000 đồng : 7).

[11] Về án phí: Ông Kh, anh Tuấn, chị Ng, anh T1, anh Ng1, chị H mỗi người phải nộp 13.092.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được nhận (261.854.000 đồng x 5%). Bà U là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 633; điểm a khoản 1 Điều 675 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1, Điều 623; điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Kh về việc chia di sản của bà Tô Thị Mỹ L cho những người thừa kế theo pháp luật.

2. Chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H và bà Lê Thị U được quyền sử dụng chung thửa đất có diện tích 151,8 m^2 thuộc số 76 tờ bản đồ số 7 (cũ) nay được đo đạc trên nền bản đồ mới thuộc thửa số 49 tờ bản đồ số 29 thị trấn G, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H và bà Lê Thị U được quyền sở hữu chung nhà ở gia đình, mái hiên, chuồng gà và toàn bộ các tài sản khác gắn liền trên thửa đất trên.

Chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H và bà Lê Thị U liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động, đứng tên quyền sử dụng đất được giao ở trên theo quy định của pháp luật.

3. Chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H và bà Lê Thị U có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Hữu Kh số tiền 261.854.000 đồng(*hai trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn đồng*).

4. Chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H và bà Lê Thị U phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh Nguyễn Thanh T số tiền 261.854.000 đồng (*hai trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn đồng*).

5. Chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H và bà Lê Thị U, anh Nguyễn Thanh T mỗi người phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu Kh số tiền 1.534.500 đồng (*một triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm đồng*) chi phí đo đạc và định giá tài sản.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Kh, anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thanh Ng, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Thanh Ng1, chị Tô Thị H, mỗi người phải nộp 13.092.700 đồng (*Mười ba triệu không trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) ông Nguyễn Hữu Kh nộp theo biên lai thu số 000431 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L được tính trừ vào án phí, ông Nguyễn Hữu Kh còn phải nộp thêm là 11.842.700 đồng (*mười một triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm đồng*). Bà Lê Thị U được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết**.**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuân